

Số: **33** /QĐ-CTK

Hà Nội, ngày **17** tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp nhận, bổ nhiệm Phó Chi cục trưởng Chi cục Thống kê
CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/ĐUBTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BTC ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Công văn số 235/BTC-TCCB ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính về công tác cán bộ tại Cục Thống kê;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp nhận, bổ nhiệm có thời hạn 94 công chức giữ chức vụ Phó Chi cục trưởng Chi cục Thống kê theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2025.

Bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với Phó Chi cục trưởng Chi cục Thống kê theo danh sách đính kèm; sau khi hết thời hạn bảo lưu, được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định.

Điều 3. Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và công chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ TCCB, Bộ Tài chính;
- UBND cấp tỉnh;
- Chi cục Thống kê cấp tỉnh;
- Hồ sơ công chức (94b);
- Lưu: VT, TCCB (5b).



DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐƯỢC TIẾP NHẬN, BỎ NHIỆM PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THỐNG KÊ

(Kèm theo Quyết định số 33 /QĐ-CTK ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ, đơn vị công tác trước khi sắp xếp			Chức vụ bổ nhiệm, đơn vị công tác sau khi sắp xếp				
				Chức vụ	Đơn vị công tác (Cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ	Chức vụ	Đơn vị công tác (Chi cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ bảo lưu	Thời hạn bảo lưu phụ cấp chức vụ theo Nghị định 178/NĐ-CP	Thời hạn bổ nhiệm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Hoàng Văn Thức	21/10/1977	Nam	Phó Cục trưởng	Hà Nội	0.8	Phó Chi cục trưởng	Hà Nội	0.8	01/01/2026	5 năm
2	Nguyễn Thúy Chinh	01/9/1973	Nữ	Phó Cục trưởng	Hà Nội	0.8	Phó Chi cục trưởng	Hà Nội	0.8	01/01/2026	5 năm
3	Nguyễn Công Thọ	08/6/1971	Nam	Phó Cục trưởng	Hà Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hà Giang	0.7	01/02/2029	5 năm
4	Tăng Bá Tuyên	12/4/1976	Nam	Phó Cục trưởng	Hà Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hà Giang	0.7	31/8/2025	5 năm
5	Đoàn Hữu Duyệt	15/6/1972	Nam	Phó Cục trưởng	Cao Bằng	0.7	Phó Chi cục trưởng	Cao Bằng	0.7	01/01/2029	5 năm
6	Nguyễn Mạnh Vinh	09/3/1974	Nam	Phó Cục trưởng	Cao Bằng	0.7	Phó Chi cục trưởng	Cao Bằng	0.7	01/9/2026	5 năm
7	Trần Thị Minh Quyên	14/4/1977	Nữ	Phó Cục trưởng	Bắc Kạn	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bắc Kạn	0.7	01/10/2027	5 năm
8	Lê Thị Thu Nga	19/11/1974	Nữ	Phó Cục trưởng	Tuyên Quang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Tuyên Quang	0.7	15/10/2025	5 năm
9	Đỗ Thị Hương	27/7/1975	Nữ	Phó Cục trưởng	Lào Cai	0.7	Phó Chi cục trưởng	Lào Cai	0.7	15/01/2027	5 năm
10	Bùi Văn Thường	22/02/1982	Nam	Phó Cục trưởng	Điện Biên	0.7	Phó Chi cục trưởng	Điện Biên	0.7	01/10/2027	5 năm
11	Trần Thị Thúy Nga	23/01/1975	Nữ	Phó Cục trưởng	Lai Châu	0.7	Phó Chi cục trưởng	Lai Châu	0.7	01/03/2027	5 năm
12	Nguyễn Văn Ba	20/10/1980	Nam	Phó Cục trưởng	Sơn La	0.7	Phó Chi cục trưởng	Sơn La	0.7	01/10/2029	5 năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ, đơn vị công tác trước khi sắp xếp			Chức vụ bổ nhiệm, đơn vị công tác sau khi sắp xếp				
				Chức vụ	Đơn vị công tác (Cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ	Chức vụ	Đơn vị công tác (Chi cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ bảo lưu	Thời hạn bảo lưu phụ cấp chức vụ theo Nghị định 178/NĐ-CP	Thời hạn bổ nhiệm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
13	Đào Thị Thanh Vân	02/10/1983	Nữ	Phó Cục trưởng	Yên Bái	0.7	Phó Chi cục trưởng	Yên Bái	0.7	01/02/2026	5 năm
14	Đỗ Thị Bích Diệp	23/5/1972	Nữ	Phó Cục trưởng	Yên Bái	0.7	Phó Chi cục trưởng	Yên Bái	0.7	01/9/2025	5 năm
15	Nguyễn Khánh Sơn	01/11/1980	Nam	Phó Cục trưởng	Hoà Bình	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hoà Bình	0.7	01/4/2029	5 năm
16	Nguyễn Văn Nghiệp	20/8/1976	Nam	Phó Cục trưởng	Hoà Bình	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hoà Bình	0.7	10/3/2026	5 năm
17	Bạch Thị Tinh	22/01/1972	nữ	Phó Cục trưởng	Thái Nguyên	0.7	Phó Chi cục trưởng	Thái Nguyên	0.7	01/11/2029	5 năm
18	Hoàng Thị Hoa	05/4/1984	nữ	Phó Cục trưởng	Thái Nguyên	0.7	Phó Chi cục trưởng	Thái Nguyên	0.7	01/01/2027	5 năm
19	Hoàng Hải Đăng	27/6/1969	Nam	Phó Cục trưởng	Lạng Sơn	0.7	Phó Chi cục trưởng	Lạng Sơn	0.7	01/11/2029	5 năm
20	Hà Văn Lượng	19/9/1965	Nam	Phó Cục trưởng	Bắc Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bắc Giang	0.7	01/07/2026	Đến khi nghỉ hưu
21	Ngô Văn Tuệ	02/5/1975	Nam	Phó Cục trưởng	Bắc Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bắc Giang	0.7	01/7/2027	5 năm
22	Đỗ Thị Ngọc Mai	18/6/1979	Nữ	Phó Cục trưởng	Phú Thọ	0.7	Phó Chi cục trưởng	Phú Thọ	0.7	01/10/2029	5 năm
23	Đỗ Minh Tâm	08/8/1976	Nam	Phó Cục trưởng	Vĩnh Phúc	0.7	Phó Chi cục trưởng	Vĩnh Phúc	0.7	20/07/2027	5 năm
24	Nguyễn Minh Vinh	02/02/1981	Nam	Phó Cục trưởng	Vĩnh Phúc	0.7	Phó Chi cục trưởng	Vĩnh Phúc	0.7	01/07/2027	5 năm
25	Lê Văn Phát	10/10/1966	Nam	Phó Cục trưởng	Bắc Ninh	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bắc Ninh	0.7	01/05/2026	Đến khi nghỉ hưu
26	Lê Việt Hùng	26/10/1983	Nam	Phó Cục trưởng	Hải Dương	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hải Dương	0.7	01/11/2029	5 năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ, đơn vị công tác trước khi sắp xếp			Chức vụ bổ nhiệm, đơn vị công tác sau khi sắp xếp				
				Chức vụ	Đơn vị công tác (Cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ	Chức vụ	Đơn vị công tác (Chi cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ bảo lưu	Thời hạn bảo lưu phụ cấp chức vụ theo Nghị định 178/NĐ-CP	Thời hạn bổ nhiệm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
27	Phạm Xuân Phương	21/7/1964	Nam	Phó Cục trưởng	Hải Phòng	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hải Phòng	0.7	31/10/2025	Đến khi nghỉ hưu
28	Đào Thị Hiếu	15/6/1974	Nữ	Phó Cục trưởng	Hưng Yên	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hưng Yên	0.7	15/6/2028	5 năm
29	Vũ Tuấn Hùng	15/02/1983	Nam	Phó Cục trưởng	Hưng Yên	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hưng Yên	0.7	01/11/2029	5 năm
30	Phạm Văn Tụ	16/3/1978	Nam	Phó Cục trưởng	Thái Bình	0.7	Phó Chi cục trưởng	Thái Bình	0.7	01/01/2028	5 năm
31	Nguyễn Văn Thủy	01/02/1974	Nam	Phó Cục trưởng	Hà Nam	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hà Nam	0.7	15/02/2027	5 năm
32	Trịnh Văn Quân	03/8/1977	Nam	Phó Cục trưởng	Hà Nam	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hà Nam	0.7	31/8/2025	5 năm
33	Bùi Ngọc Thụ	23/11/1975	Nam	Phó Cục trưởng	Nam Định	0.7	Phó Chi cục trưởng	Nam Định	0.7	01/01/2028	5 năm
34	Vũ Thị Hường	01/6/1972	Nữ	Phó Cục trưởng	Nam Định	0.7	Phó Chi cục trưởng	Nam Định	0.7	15/10/2025	5 năm
35	Lê Thanh Tùng	24/4/1973	Nam	Phó Cục trưởng	Ninh Bình	0.7	Phó Chi cục trưởng	Ninh Bình	0.7	03/5/2027	5 năm
36	Phan Thị Bích Thảo	15/01/1972	Nữ	Phó Cục trưởng	Thanh Hoá	0.7	Phó Chi cục trưởng	Thanh Hoá	0.7	15/3/2026	5 năm
37	Trịnh Đình Vương	16/6/1979	Nam	Phó Cục trưởng	Thanh Hoá	0.7	Phó Chi cục trưởng	Thanh Hoá	0.7	10/05/2026	5 năm
38	Nguyễn Trung Kiên	09/01/1974	Nam	Phó Cục trưởng	Nghệ An	0.7	Phó Chi cục trưởng	Nghệ An	0.7	14/01/2027	5 năm
39	Mai Thị Cẩm Giang	10/1/1972	Nữ	Phó Cục trưởng	Hà Tĩnh	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hà Tĩnh	0.7	09/4/2025	5 năm
40	Nguyễn Trung Thành	28/01/1979	Nam	Phó Cục trưởng	Hà Tĩnh	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hà Tĩnh	0.7	30/9/2027	5 năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ, đơn vị công tác trước khi sắp xếp			Chức vụ bổ nhiệm, đơn vị công tác sau khi sắp xếp				
				Chức vụ	Đơn vị công tác (Cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ	Chức vụ	Đơn vị công tác (Chi cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ bảo lưu	Thời hạn bảo lưu phụ cấp chức vụ theo Nghị định 178/NĐ-CP	Thời hạn bổ nhiệm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
41	Nguyễn Thành Long	15/9/1978	Nam	Phó Cục trưởng	Quảng Bình	0.7	Phó Chi cục trưởng	Quang Bình	0.7	03/12/2029	5 năm
42	Trần Đình Hai	10/11/1975	Nam	Phó Cục trưởng	Quảng Bình	0.7	Phó Chi cục trưởng	Quang Bình	0.7	01/01/2030	5 năm
43	Nguyễn Thị Hà Phương	25/8/1971	Nữ	Phó Cục trưởng	Quảng Trị	0.7	Phó Chi cục trưởng	Quảng Trị	0.7	02/8/2029	Đến khi nghỉ hưu
44	Hoàng Ngọc Cường	16/10/1976	Nam	Phó Cục trưởng	Huế	0.7	Phó Chi cục trưởng	Huế	0.7	07/12/2027	5 năm
45	Trần Nam Trung	08/10/1973	Nam	Phó Cục trưởng	Đà Nẵng	0.7	Phó Chi cục trưởng	Đà Nẵng	0.7	01/11/2026	5 năm
46	Trần Thị Lệ Trinh	29/12/1974	Nữ	Phó Cục trưởng	Đà Nẵng	0.7	Phó Chi cục trưởng	Đà Nẵng	0.7	15/01/2026	5 năm
47	Lê Nho Hùng	20/8/1965	Nam	Phó Cục trưởng	Quảng Nam	0.7	Phó Chi cục trưởng	Quảng Nam	0.7	31/5/2027	Đến khi nghỉ hưu
48	Nguyễn Xuân Vinh	20/6/1965	Nam	Phó Cục trưởng	Quảng Nam	0.7	Phó Chi cục trưởng	Quang Nam	0.7	31/12/2026	Đến khi nghỉ hưu
49	Trần Thị Thanh Thương	01/9/1983	Nữ	Phó Cục trưởng	Quảng Ngãi	0.7	Phó Chi cục trưởng	Quang Ngãi	0.7	01/8/2029	5 năm
50	Nguyễn Công Luận	20/4/1979	Nam	Phó Cục trưởng	Bình Định	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bình Định	0.7	15/01/2027	5 năm
51	Cao Thanh Sơn	14/5/1977	Nam	Phó Cục trưởng	Phú Yên	0.7	Phó Chi cục trưởng	Phú Yên	0.7	05/02/2029	5 năm
52	Lê Hữu Chí	02/02/1967	Nam	Phó Cục trưởng	Phú Yên	0.7	Phó Chi cục trưởng	Phú Yên	0.7	15/11/2028	Đến khi nghỉ hưu
53	Lê Trung Viên	09/8/1970	Nam	Phó Cục trưởng	Khánh Hoà	0.7	Phó Chi cục trưởng	Khánh Hoà	0.7	07/9/2027	5 năm
54	Mai Vinh Quang	10/5/1980	Nam	Phó Cục trưởng	Khánh Hoà	0.7	Phó Chi cục trưởng	Khánh Hoà	0.7	17/9/2029	5 năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ, đơn vị công tác trước khi sắp xếp			Chức vụ bổ nhiệm, đơn vị công tác sau khi sắp xếp				
				Chức vụ	Đơn vị công tác (Cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ	Chức vụ	Đơn vị công tác (Chi cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ bảo lưu	Thời hạn bảo lưu phụ cấp chức vụ theo Nghị định 178/NĐ-CP	Thời hạn bổ nhiệm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
55	Phan Thanh Hùng	21/4/1978	Nam	Phó Cục trưởng	Ninh Thuận	0.7	Phó Chi cục trưởng	Ninh Thuận	0.7	01/10/2029	5 năm
56	Nguyễn Thị Hà	25/5/1985	Nữ	Phó Cục trưởng	Ninh Thuận	0.7	Phó Chi cục trưởng	Ninh Thuận	0.7	01/10/2029	5 năm
57	Nguyễn Hoài Hải	26/02/1976	Nam	Phó Cục trưởng	Bình Thuận	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bình Thuận	0.7	20/4/2026	5 năm
58	Đỗ Thị Hoàng Dung	27/02/1976	Nữ	Phó Cục trưởng	Kon Tum	0.7	Phó Chi cục trưởng	Kon Tum	0.7	01/8/2029	5 năm
59	Đỗ Văn Hiệp	29/9/1974	nam	Phó Cục trưởng	Kon Tum	0.7	Phó Chi cục trưởng	Kon Tum	0.7	15/4/2029	5 năm
60	Nguyễn Quang Phước	15/9/1976	Nam	Phó Cục trưởng	Đắk Lắk	0.7	Phó Chi cục trưởng	Đắk Lắk	0.7	10/10/2029	5 năm
61	Nguyễn Văn Tinh	25/7/1973	Nam	Phó Cục trưởng	Đắk Nông	0.7	Phó Chi cục trưởng	Đắk Nông	0.7	01/9/2027	5 năm
62	Phan Văn Hoàng	19/12/1967	Nam	Phó Cục trưởng	Đắk Nông	0.7	Phó Chi cục trưởng	Đắk Nông	0.7	31/8/2025	Đến khi nghỉ hưu
63	Đỗ Trung Kiên	09/3/1981	Nam	Phó Cục trưởng	Lâm Đồng	0.7	Phó Chi cục trưởng	Lâm Đồng	0.7	01/11/2029	5 năm
64	Đỗ Khắc Tuấn	09/7/1978	Nam	Phó Cục trưởng	Bình Phước	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bình Phước	0.7	19/02/2029	5 năm
65	Kiều Hữu Quang	09/10/1974	Nam	Phó Cục trưởng	Bình Phước	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bình Phước	0.7	01/04/2025	5 năm
66	Cù Sỹ Cương	26/10/1965	Nam	Phó Cục trưởng	Tây Ninh	0.7	Phó Chi cục trưởng	Tây Ninh	0.7	31/7/2027	Đến khi nghỉ hưu
67	Nguyễn Thị Kim Quyên	27/12/1978	Nữ	Phó Cục trưởng	Tây Ninh	0.7	Phó Chi cục trưởng	Tây Ninh	0.7	01/10/2028	5 năm
68	Phạm Thị Hiền	05/8/1969	Nữ	Phó Cục trưởng	Bình Dương	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bình Dương	0.7	01/11/2025	Đến khi nghỉ hưu

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ, đơn vị công tác trước khi sắp xếp			Chức vụ bổ nhiệm, đơn vị công tác sau khi sắp xếp				
				Chức vụ	Đơn vị công tác (Cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ	Chức vụ	Đơn vị công tác (Chi cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ bảo lưu	Thời hạn bảo lưu phụ cấp chức vụ theo Nghị định 178/NĐ-CP	Thời hạn bổ nhiệm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
69	Lê Thị Hoa Hồng	01/01/1972	Nữ	Phó Cục trưởng	Đồng Nai	0.7	Phó Chi cục trưởng	Đồng Nai	0.7	31/8/2025	5 năm
70	Đoàn Quang Vinh	12/10/1964	Nam	Phó Cục trưởng	Bà Rịa - Vũng Tàu	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bà Rịa - Vũng Tàu	0.7	30/4/2026	Đến khi nghỉ hưu
71	Lương Văn Đương	28/10/1975	Nam	Phó Cục trưởng	Bà Rịa - Vũng Tàu	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bà Rịa - Vũng Tàu	0.7	17/9/2029	5 năm
72	Trần Phước Tường	15/01/1972	Nam	Phó Cục trưởng	Hồ Chí Minh	0.8	Phó Chi cục trưởng	Hồ Chí Minh	0.8	01/10/2029	5 năm
73	Đào Văn Thi	20/5/1977	Nam	Phó Cục trưởng	Long An	0.7	Phó Chi cục trưởng	Long An	0.7	09/10/2029	5 năm
74	Nguyễn Tuấn Khanh	10/4/1966	Nam	Phó Cục trưởng	Long An	0.7	Phó Chi cục trưởng	Long An	0.7	30/04/2028	Đến khi nghỉ hưu
75	Hồ Văn Niêm	20/12/1966	Nam	Phó Cục trưởng	Tiền Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Tiền Giang	0.7	31/8/2025	Đến khi nghỉ hưu
76	Lê Văn Niêm	21/9/1974	Nam	Phó Cục trưởng	Tiền Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Tiền Giang	0.7	16/03/2025	5 năm
77	Lê Minh Quang	15/5/1965	Nam	Phó Cục trưởng	Bến Tre	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bến Tre	0.7	30/11/2026	Đến khi nghỉ hưu
78	Lê Thị Minh	27/6/1974	Nữ	Phó Cục trưởng	Bến Tre	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bến Tre	0.7	01/7/2026	5 năm
79	Lê Thanh Nam	24/01/1976	Nam	Phó Cục trưởng	Trà Vinh	0.7	Phó Chi cục trưởng	Trà Vinh	0.7	01/06/2025	5 năm
80	Phạm Thị Loan	10/6/1972	Nữ	Phó Cục trưởng	Trà Vinh	0.7	Phó Chi cục trưởng	Trà Vinh	0.7	01/12/2029	5 năm
81	Lê Đức Hoàn	19/5/1964	Nam	Phó Cục trưởng	Vĩnh Long	0.7	Phó Chi cục trưởng	Vĩnh Long	0.7	31/8/2025	Đến khi nghỉ hưu
82	Trần Chánh Thành	02/02/1973	Nam	Phó Cục trưởng	Vĩnh Long	0.7	Phó Chi cục trưởng	Vĩnh Long	0.7	01/11/2025	5 năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ, đơn vị công tác trước khi sắp xếp			Chức vụ bổ nhiệm, đơn vị công tác sau khi sắp xếp				
				Chức vụ	Đơn vị công tác (Cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ	Chức vụ	Đơn vị công tác (Chi cục Thống kê tỉnh/thành phố)	Phụ cấp chức vụ bảo lưu	Thời hạn bảo lưu phụ cấp chức vụ theo Nghị định 178/NĐ-CP	Thời hạn bổ nhiệm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
83	Đinh Văn Đây	18/02/1974	Nam	Phó Cục trưởng	Đồng Tháp	0.7	Phó Chi cục trưởng	Đồng Tháp	0.7	15/8/2027	5 năm
84	Lê Văn Sáu	01/01/1971	Nam	Phó Cục trưởng	An Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	An Giang	0.7	01/9/2027	5 năm
85	Phạm Tấn Mỹ	19/12/1973	Nam	Phó Cục trưởng	An Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	An Giang	0.7	15/06/2027	5 năm
86	Nguyễn Trọng Hiền	26/7/1967	Nam	Phó Cục trưởng	Kiên Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Kiên Giang	0.7	01/6/2027	Đến khi nghỉ hưu
87	Trần Hồ Bình Tuy	02/5/1973	Nam	Phó Cục trưởng	Cần Thơ	0.7	Phó Chi cục trưởng	Cần Thơ	0.7	01/5/2027	5 năm
88	Trần Văn Trí	11/4/1970	Nam	Phó Cục trưởng	Hậu Giang	0.7	Phó Chi cục trưởng	Hậu Giang	0.7	01/12/2028	5 năm
89	Huỳnh Trương Hữu Phúc	17/3/1971	Nam	Phó Cục trưởng	Sóc Trăng	0.7	Phó Chi cục trưởng	Sóc Trăng	0.7	01/12/2028	5 năm
90	Trần Thị Bích Tuyền	26/5/1971	Nữ	Phó Cục trưởng	Sóc Trăng	0.7	Phó Chi cục trưởng	Sóc Trăng	0.7	15/3/2028	Đến khi nghỉ hưu
91	Nguyễn Thu Hằng	25/8/1978	Nữ	Phó Cục trưởng	Bạc Liêu	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bạc Liêu	0.7	01/03/2025	5 năm
92	Trần Long Châu	28/4/1964	Nam	Phó Cục trưởng	Bạc Liêu	0.7	Phó Chi cục trưởng	Bạc Liêu	0.7	31/7/2025	Đến khi nghỉ hưu
93	Tô Thanh Hòa	04/11/1971	Nam	Phó Cục trưởng	Cà Mau	0.7	Phó Chi cục trưởng	Cà Mau	0.7	20/11/2025	5 năm
94	Trần Thị Tùng	17/3/1977	Nữ	Phó Cục trưởng	Cà Mau	0.7	Phó Chi cục trưởng	Cà Mau	0.7	01/8/2028	5 năm